

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương
2. Ông Võ Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1990; vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lưu Đ, sinh năm 1984; vắng mặt lần thứ hai không có lý do;
Cùng địa chỉ: thôn L (thôn S cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 15/4/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, thường

xuyên xảy ra cãi vã, anh Đ không quan tâm đến vợ con. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị cố gắng hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ luôn im lặng, không thể hiện ý chí xây dựng hạnh phúc gia đình nên dần dần vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu T, sinh ngày 29/8/2010 và Lưu K, sinh ngày 07/6/2015. Chị M có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Lưu Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị M về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh thống nhất yêu cầu ly hôn của chị M vì tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu T, sinh ngày 29/8/2010 và Lưu K, sinh ngày 07/6/2015. Anh Đ thống nhất giao 02 con cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh Đ, đồng thời giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Lưu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị M có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lưu Đ, địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nay, chị M khởi kiện xin ly hôn với anh Đ và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 15 tháng 4 năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên sống ly thân. Đến nay, chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ nữa nên mong muốn được ly hôn. Anh Đ cũng thừa nhận mâu thuẫn như chị M trình bày và anh cũng thống nhất ly hôn vì vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Hiện nay, anh Đ cũng không còn tình cảm với chị M nữa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Lưu T, sinh ngày 29/8/2010 và Lưu K, sinh ngày 07/6/2015. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu K, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Xét thấy các cháu T, K là con gái, đang ở độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải, anh Đ cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các bên, giao các cháu Lưu T và Lưu K cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81,

Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M đối với anh Lưu Đ về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Lưu Đ.

[2]. Về con chung: Giao các cháu Lưu T, sinh ngày 29/8/2010 và Lưu K, sinh ngày 07/6/2015 cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị M không yêu cầu anh Lưu Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lưu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị M đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001748 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Chị M đã nộp đủ án phí.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

[6]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Q;
- (GCNKH số 13 ngày 15/4/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Liêm